CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG
CUNG CẤP VÀ SỬ DỤNG
CÁC DỊCH VỤ THANH TOÁN VÀ QUẢN LÝ DÒNG TIỀN

Số: ……

Căn cứ:

- *Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành;*
- *Luật các Tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18/01/2024, hiệu lực kể từ 01/07/2024 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;*
- *Căn cứ Luật Giao dịch Điện tử số 20/2023/QH15 ngày 22/06/2023 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;*
- *Nghị định số 52/2024/NĐ-CP ngày 15/05/2024 của Chính phủ về Thanh toán không dùng tiền mặt và các văn bản sửa đổi, bổ sung;*
- *Thông tư số 15/2024/TT-NHNN ngày 28/06/2024 của Ngân hàng Nhà nước Quy định về cung ứng dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt; Thông tư số 17/2024/TT-NHNN ngày 28/06/2024 của Ngân hàng Nhà nước Quy định việc mở và sử dụng tài khoản thanh toán tại tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán và các văn bản sửa đổi, bổ sung;*
- *Thông tư 18/2024/TT-NHNN Quy định về hoạt động thẻ ngân hàng, hiệu lực kể từ ngày 01/07/2024 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;*
- *Quyết định số 44/2002/QĐ-TTg ngày 21/03/2002 của Thủ tướng Chính phủ về việc sử dụng chứng từ điện tử làm chứng từ kế toán để hạch toán và thanh toán vốn của các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán;*
- *Các văn bản pháp luật khác có liên quan;*
- *Nhu cầu của Công ty/đơn vị …… và điều kiện, khả năng cung cấp dịch vụ thanh toán và quản lý dòng tiền của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam;*

Hôm nay, ngày……tháng……năm……, chúng tôi gồm:

BÊN A: NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM – CHI NHÁNH …

Giấy CNĐKDN:

Địa chỉ đăng ký:

Điện thoại: Fax:

Người đại diện:

Chức vụ:

Văn bản uỷ quyền số:

*(sau đây gọi là "**VietinBank**")*

BÊN B: CÔNG TY.....

Tên viết tắt (không quá 20 ký tự):

Giấy CNĐKDN:

Địa chỉ đăng ký:

Điện thoại: Fax:

Người đại diện:

Chức vụ:

Văn bản uỷ quyền số:

*(sau đây gọi là "**Công ty**.....")*

Hai bên đã thoả thuận và đồng ý ký kết Hợp đồng cung cấp và sử dụng các dịch vụ thanh toán và quản lý dòng tiền *(sau đây gọi là Hợp đồng)* theo các điều kiện và điều khoản như sau:

Điều 1: GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ

Trừ khi được quy định rõ ràng khác, tại văn bản này, các thuật ngữ dưới đây được định nghĩa như sau:

1.1. **Ngân hàng hoặc VietinBank:** là Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Công Thương Việt Nam.

1.2. **HENO:** là Công ty Cổ phần Công nghệ HENO.

1.3. **Phần mềm Quản lý nguồn thu:** là Phần mềm Quản lý tự động hóa thanh toán TINGEE MERCHANT do Công ty Cổ phần Công nghệ HENO cung cấp cho Nhà bán hàng trên cơ sở hợp đồng ký kết giữa Nhà bán hàng và Công ty Cổ phần HENO.

1.1. **Giải pháp Định danh tài khoản:** là giải pháp công nghệ số liên kết giữa một Tài khoản thanh toán của Công ty..... mở tại VietinBank với tập hợp các mã định danh tài khoản.

1.2. **Tài khoản thanh toán:** là tài khoản thanh toán số ..... của Công ty..... mở tại VietinBank dùng để tập trung nguồn thu thông qua các mã định danh tài khoản[1].

1.3. **Khách hàng:** là cá nhân, tổ chức sử dụng hàng hóa, dịch vụ của Công ty....., thanh toán tiền vào mã định danh tài khoản của Công ty..... tại VietinBank.

1.4. **Mã định danh tài khoản:** Là các mã số được liên kết với Tài khoản thanh toán của Công ty ……. mở tại VietinBank, dùng để hỗ trợ các Khách hàng - Nhà bán hàng nhận diện khoản thanh toán hàng hóa, dịch vụ từ khách hàng**.**

---

[1] Trường hợp Công ty..... có nhu cầu sử dụng nhiều tài khoản thanh toán, Chi nhánh điều chỉnh nội dung thỏa thuận như sau: "Tài khoản thanh toán: là các tài khoản thanh toán của Công ty..... mở tại VietinBank dùng để tập trung nguồn thu thông qua các tập hợp mã định danh tài khoản, cụ thể theo Mẫu 04.1 Phụ lục 04." Đồng thời, Chi nhánh lưu ý điều chỉnh các điều khoản có chỉ dẫn "Tài khoản thanh toán số …." tương ứng tại Phụ lục để phù hợp.

1.5. **Cấu trúc mã định danh tài khoản:** Mã định danh tài khoản có độ dài từ 4 đến 25 ký tự, gồm hai phần:

(i) 4 ký tự đầu là Phần số cố định do VietinBank cấp;

(ii) từ 0 đến 21 ký tự sau là Phần biến số theo chỉ định của Nhà bán hàng (có thể đặt theo mã đơn hàng/mã hồ sơ/mã phiếu thu,…)

1.6. **Biến động số dư (BĐSD):** là việc thay đổi số dư trên tài khoản thanh toán của khách hàng mở tại VietinBank khi có phát sinh giao dịch làm tăng hoặc giảm số dư.

1.7. **Dịch vụ Quản lý dòng tiền bán hàng (Dịch vụ):** là dịch vụ hỗ trợ Khách hàng - Nhà bán hàng nhận thông báo về các thông tin: thay đổi số dư trên tài khoản khi có phát sinh giao dịch làm tăng hoặc giảm số dư, trạng thái thanh toán của đơn hàng, doanh thu, báo cáo dòng tiền vào tài khoản thanh toán mở tại VietinBank.

1.8. **Dịch vụ Loa thông báo nhận tiền:** là thiết bị âm thanh tự động thông báo khi có giao dịch chuyển khoản thành công. Cụ thể, khi khách hàng thực hiện chuyển khoản thành công vào tài khoản của Nhà bán hàng (merchant), loa sẽ phát ra thông báo bằng giọng nói, đọc chính xác số tiền mà khách hàng đã chuyển khoản, giúp khách hàng và Nhà bán hàng xác nhận giao dịch một cách nhanh chóng, chính xác và tiện lợi.

1.9. **Dịch vụ thu hộ qua Định danh Tài khoản:** là dịch vụ cho phép khách hàng có thể thanh toán hàng hóa, dịch vụ cho Nhà bán hàng thông qua mã Định danh Tài khoản được VietinBank cấp riêng cho từng khách hàng. Số tiền thanh toán qua mã Định danh Tài khoản sẽ được tự động điều chuyển về tài khoản chuyên thu của Nhà bán hàng.

Điều 2: NỘI DUNG HỢP TÁC

Cung cấp dịch vụ thu hộ khoản phải thu qua tài khoản thanh toán:

Bên A cung cấp cho Bên B giải pháp thu hộ khoản thu của cửa hàng /nhà bán hàng/nền tảng bao gồm các dịch vụ sau:

a. Dịch vụ thanh toán

- Dịch vụ thanh toán QRPay
- Dịch vụ Loa thông báo nhận tiền

b. Dịch vụ Thu hộ và Quản lý khoản phải thu

- Dịch vụ Định danh tài khoản
- Và các kênh giao dịch khác của VietinBank trong từng thời kỳ

Nội dung, quy trình triển khai, quyền lợi và trách nhiệm của mỗi bên được hai bên theo từng dịch vụ thể hiện tại các phụ lục và là một phần không thể tách rời của của Hợp đồng này hoặc ký thành các Hợp đồng dịch vụ riêng.

Điều 3: PHÍ DỊCH VỤ:

- Phí dịch vụ thu hộ Bên B trả cho Bên A khi sử dụng dịch vụ do Bên A cung cấp. Theo đó, Bên B đồng ý trả cho Bên A phí sử dụng dịch vụ thu hộ khoản phải thu là ….vnd/giao dịch thanh toán thành công (đã bao gồm VAT) hoặc …%/tổng giá trị giao dịch. Phí dịch vụ

sẽ được hệ thống của VietinBank tự động tính và tự động trích nợ tiền phí sử dụng dịch vụ từ tài khoản chuyên thu của Bên B mở tại Bên A theo định kỳ thời gian thống nhất giữa hai Bên (Quy định cụ thể tại Phụ lục đính kèm);

- Phí sử dụng các dịch vụ khác: Theo biểu phí hiện hành của Bên A.

Điều 4: NGUYÊN TẮC CHUNG

- Hai bên ký kết hợp đồng trên nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, cùng có lợi trong khuôn khổ pháp luật của Việt Nam.
- Các Bên cam kết duy trì hợp tác toàn diện, lâu dài, có hiệu quả trên cơ sở đáp ứng tối đa các loại dịch vụ mà mỗi Bên có khả năng cung ứng trong quá trình cung cấp dịch vụ.
- Dịch vụ được thực hiện dựa trên sự tự nguyện lựa chọn phương thức thanh toán của khách hàng sử dụng dịch vụ.
- Hai bên đồng ý trao đổi thông tin bao gồm cả những thông tin bí mật của mỗi bên trong phạm vi cho phép để thực thi mối quan hệ hợp tác và cam kết có trách nhiệm giữ bí mật nghiêm ngặt về nội dung cũng như hình thức để bảo vệ bí mật kinh doanh của các bên, giữ bí mật thông tin về khách hàng.
- Bên B (Nhà bán hàng) đồng ý cho **VietinBank – là ngân hàng thu hộ** phối hợp với **Công ty Cổ phần Công nghệ HENO** thực hiện tích hợp, kết nối giữa hệ thống **TINGEE MERCHANT** do Công ty Cổ phần Công nghệ HENO cung cấp với hệ thống thanh toán của VietinBank; chia sẻ thông tin, biến động số dư, dữ liệu giao dịch Thanh toán và Quản lý dòng tiền phát sinh trên tài khoản thanh toán của Bên B (Công ty) cho Công ty Cổ phần Công nghệ HENO nhằm mục đích xử lý giao dịch, xây dựng chức năng, báo cáo đối chiếu giao dịch dành cho Nhà bán hàng.
- Việc triển khai các nghiệp vụ, dịch vụ cụ thể hoặc các điều chỉnh, sửa đổi hợp đồng được hai bên ký thành phụ lục và được coi là một bộ phận không tách rời của Hợp đồng này.
- Nếu một trong hai Bên vi phạm, không thực hiện đúng theo quy định trong hợp đồng, gây thiệt hại cho Bên kia thì phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại và chịu phạt vi phạm theo quy định của pháp luật.
- Bên B (Nhà bán hàng) đồng ý **cho Công ty Cổ phần Công nghệ HENO - là đối tác cung cấp phần mềm quản lý khoản phải thu** cho Nhà bán hàng phối hợp với **Ngân hàng thu hộ (VietinBank)** thực hiện tích hợp, kết nối hệ thống quản lý tự động hóa thanh toán nhận thông báo thanh toán không tiền mặt tức thời **TINGEE MERCHANT** qua loa phát thanh bằng giọng nói của Nhà bán hàng với hệ thống thanh toán của VietinBank; xây dựng chức năng, báo cáo đối chiếu giao dịch nhằm phục vụ việc cung ứng và sử dụng các dịch vụ thanh toán theo thống nhất giữa Bên A và Bên B theo "Tài liệu đặc tả kỹ thuật thống nhất giữa các Bên".

ĐIỀU 5: CAM KẾT CHUNG

- Trong thời gian hiệu lực của hợp đồng này, Bên B cam kết sẽ không hợp tác với các đối tác khác trong việc cung cấp và sử dụng dịch vụ tương tự.
- Bên B cam kết để Bên A được phép trích nợ tài khoản chuyên thu của Bên B để hoàn trả cho Khách hàng trong trường hợp Bên A thu sai tài khoản hoặc sai số tiền.

- Số tiền thu được khi Bên A thanh toán khoản phải thu cho Bên B được Bên A ghi "Có" trực tiếp vào tài khoản chuyên thu của Bên B mở tại Bên A ngay khi giao dịch thanh toán tiền bán hàng được thực hiện thành công.
- Khách hàng sử dụng dịch vụ không phải trả bất kỳ một khoản chi phí nào liên quan đến việc thanh toán tiền hàng hóa, dịch vụ.
- Hai Bên xây dựng hệ thống đối soát dữ liệu, thực hiện đối soát và xác nhận số liệu thanh toán.
- Mỗi Bên tự tổ chức, vận hành hệ thống chăm sóc khách hàng, giải quyết khiếu nại và là đầu mối giải quyết trực tiếp khi nhận được khiếu nại của Khách hàng liên quan đến dịch vụ của Bên mình; sẵn sàng cung cấp thông tin cần thiết cho Bên còn lại để cùng phối hợp giải quyết khiếu nại Khách hàng.
- Hai bên cam kết thực hiện các nguyên tắc về bảo mật thông tin được chi tiết tại Phụ lục 01 đính kèm, có hiệu lực kể từ ngày ký Hợp đồng này.
- Bằng việc giao kết Hợp đồng/thỏa thuận/mẫu biểu, xác nhận chấp thuận sử dụng các sản phẩm, dịch vụ của VietinBank thông qua phương tiện điện tử và các hình thức khác phù hợp theo quy định của pháp luật, Bên B xác nhận đã đọc, hiểu rõ và đồng ý đối với toàn bộ điều kiện điều khoản bảo vệ dữ liệu cá nhân của VietinBank, đồng ý cho VietinBank xử lý dữ liệu cá nhân trong tất cả các hoạt động trong quy trình xử lý dữ liệu cá nhân và cho tất cả các mục đích xử lý dữ liệu cá nhân theo **"điều khoản và điều kiện về bảo vệ dữ liệu cá nhân"** được VietinBank công bố trên trang thông tin điện tử chính thức của VietinBank (bao gồm cả các dữ liệu cá nhân của Người đại diện hợp pháp/Người giám hộ/Người được giám hộ/Người giám sát giám hộ (nếu có)/Người được ủy quyền/Người đại diện hợp pháp của Tổ chức giám hộ/Người lao động và những người có liên quan khác của Bên B và dữ liệu được Bên B cung cấp, cập nhật/đăng ký thay đổi trong từng thời kỳ (nếu có)). Bên B đồng ý rằng các thay đổi trong **"điều khoản và điều kiện về bảo vệ dữ liệu cá nhân"** (nếu có) của VietinBank được đăng tải trên trang thông tin điện tử chính thức của VietinBank khi khách hàng tiếp tục sử dụng sản phẩm dịch vụ của VietinBank sẽ chịu sự ràng buộc với các nội dung cập nhật sửa đổi".
- Hai bên cam kết thực hiện đúng, đầy đủ các điều khoản trong Hợp đồng và toàn bộ các Phụ lục Hợp đồng. Mọi sửa đổi, bổ sung Hợp đồng, Phụ lục Hợp đồng phải được hai bên thống nhất thoả thuận bằng văn bản. Các Phụ lục Hợp đồng, văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng, Phụ lục Hợp đồng là bộ phận không tách rời của Hợp đồng.

ĐIỀU 6: LUẬT ÁP DỤNG VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

6.1. Luật áp dụng

Hợp đồng này được giải thích và điều chỉnh theo pháp luật Việt Nam.

6.2. Giải quyết tranh chấp

a. Tranh chấp giữa các bên

Mọi tranh chấp diễn ra trong quá trình thực hiện Hợp đồng này sẽ được Hai Bên ưu tiên giải quyết thông qua quá trình thương lượng. Trong trường hợp sau 30 (ba mươi) ngày kể từ

ngày yêu cầu giải quyết tranh chấp bằng thương lượng mà tranh chấp vẫn không giải quyết được thì các Bên có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật Việt Nam

b. Các tranh chấp, khiếu nại với khách hàng

- VietinBank không chịu trách nhiệm về hàng hóa, dịch vụ của Công ty..... cung cấp cho khách hàng, đối tác, bên liên quan khác.
- Công ty..... có trách nhiệm tiếp nhận, giải quyết các khiếu nại và tranh chấp của các khách hàng liên quan đến hàng hóa, dịch vụ Công ty..... cung cấp cho khách hàng.
- VietinBank tiếp nhận và phối hợp với Công ty..... xử lý các khiếu nại của khách hàng liên quan đến giao dịch thanh toán do VietinBank cung cấp dịch vụ theo Hợp đồng này.

ĐIỀU 7: BẤT KHẢ KHÁNG VÀ MIỄN TRÁCH

7.1. Sự kiện bất khả kháng là những sự kiện xảy ra một cách khách quan, không thể lường trước và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết mà khả năng cho phép, bao gồm nhưng không giới hạn các sự kiện sau: chiến tranh, bạo loạn, đình công, hỏa hoạn, bão, lũ lụt, động đất, sóng thần, dịch bệnh, cách ly kiểm dịch, sự thay đổi trong chính sách và pháp luật....

7.2. VietinBank được miễn trách nhiệm khi Công ty..... không sử dụng được các dịch vụ sản phẩm của VietinBank vì (i) không thể truy cập hay phối kết hợp với các nhà cung cấp dịch vụ, mạng lưới, người sử dụng dịch vụ hay các nguồn thông tin qua mạng internet do lỗi mạng Internet, lỗi máy móc; (ii) lỗi phần cứng hoặc phần mềm ngoài tầm kiểm soát của VietinBank.

7.3. Các bên được miễn trách khi việc không thể thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo Hợp đồng, Phụ lục Hợp đồng là do sự kiện bất khả kháng.

7.4. Khi xảy ra sự kiện bất khả kháng cho một bên thì trong vòng bảy (07) ngày bên đó có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho các bên còn lại và trong vòng mười lăm (15) ngày phải gửi văn bản cho các bên còn lại mô tả chi tiết về nguyên nhân của sự kiện, ảnh hưởng của sự kiện đối với việc thực hiện Hợp đồng, Phụ lục Hợp đồng và gửi kèm các chứng nhận của chính quyền địa phương về việc xảy ra sự kiện bất khả kháng. Ngay sau khi sự kiện bất khả kháng chấm dứt, các bên có trách nhiệm tích cực khắc phục hậu quả (nếu có) và tiếp tục thực hiện Hợp đồng, Phụ lục Hợp đồng.

7.5. Nếu có sự kiện bất khả kháng kéo dài hơn một (01) tháng thì các bên sẽ xem xét và quyết định một cách hợp lý về các điều khoản và điều kiện của Hợp đồng, Phụ lục Hợp đồng.

ĐIỀU 8 . THÔNG BÁO

8.1. Mọi thông báo và thông tin liên lạc liên quan đến việc cung ứng và sử dụng dịch vụ giữa hai Bên sẽ được gửi tới địa chỉ của các Bên theo quy định tại các Phụ lục Hợp đồng.

8.2. Hai Bên có nghĩa vụ thông báo cho nhau những thay đổi về địa chỉ liên hệ quy định tại Phụ lục Hợp đồng, chính sách khách hàng hoặc bất kỳ sự thay đổi quan trọng nào khác có liên quan đến Hợp đồng, Phụ lục Hợp đồng… bằng cách gửi thông báo hợp lệ bằng văn bản cho Bên còn lại tối đa …… (…..) ngày trước ngày hiệu lực của sự thay đổi.

ĐIỀU 9: BỒI THƯỜNG THIỆT HẠI VÀ PHẠT VI PHẠM HỢP ĐỒNG

9.1. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, mỗi Bên đồng ý rằng mình phải tự chịu mọi tổn thất thiệt hại phát sinh do lỗi cố ý, vô ý, hay bất kỳ hành vi sai trái, lừa đảo, bất kỳ vi phạm Hợp đồng này hoặc vi phạm pháp luật nào do Bên đó hoặc nhân viên/ Người được ủy quyền của Bên đó gây ra.

9.2. Bên nào vi phạm các quy định của Hợp đồng sẽ phải bồi thường và hoàn lại cho Bên còn lại bất cứ thiệt hại, chi phí, phí tổn cũng như mọi khiếu kiện, kiện cáo, yêu cầu nào liên quan mà Bên còn lại phải chịu phát sinh trực tiếp do việc vi phạm Hợp đồng của Bên đó gây ra.

ĐIỀU 10. SỬA ĐỔI VÀ CHẤM DỨT, CHUYỂN NHƯỢNG HỢP ĐỒNG

10.1. Hợp đồng này, các Phụ lục kèm theo có thể sửa đổi, bổ sung theo thỏa thuận bằng văn bản có dấu và chữ ký của người đại diện có thẩm quyền của các Bên.

10.2. Tất cả các điều khoản và từng phần của các điều khoản của Hợp đồng, Phụ lục Hợp đồng sẽ có hiệu lực riêng và độc lập với các điều khoản khác. Nếu có bất kỳ điều khoản nào vô hiệu hoặc không thể thi hành theo pháp luật Việt Nam, thì hiệu lực, tính hợp pháp và khả năng thi hành của các điều khoản còn lại của Hợp đồng, Phụ lục Hợp đồng sẽ không bị ảnh hưởng dưới bất kỳ hình thức nào.

10.3. Trong trường hợp một trong hai bên có nhu cầu chấm dứt/không sử dụng một hoặc một số sản phẩm dịch vụ theo Hợp đồng và Phụ lục Hợp đồng, các Bên có thể chấm dứt Phụ lục tương ứng với loại sản phẩm dịch vụ đó theo quy định tại Phụ lục đó. Các Phụ lục khác của Hợp đồng không bị chấm dứt vẫn có giá trị hiệu lực như đã thỏa thuận.

10.4. Hợp đồng, Phụ lục Hợp đồng chấm dứt trong những trường hợp sau:

- Do hai Bên thỏa thuận; hoặc
- Do thay đổi của pháp luật dẫn tới việc thực hiện Hợp đồng, Phụ lục Hợp đồng này là vi phạm pháp luật và/hoặc, theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền buộc các Bên chấm dứt Hợp đồng, Phụ lục Hợp đồng này; hoặc
- Một Bên vi phạm bất kỳ điều khoản nào của Hợp đồng, Phụ lục Hợp đồng mà không khắc phục vi phạm nói trên trong vòng 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu khắc phục của Bên còn lại trừ trường hợp các Bên có thỏa thuận khác; hoặc
- Một Bên bị giải thể, phá sản, hoặc bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi giấy phép

kinh doanh hoặc bất kỳ các giấy phép cần thiết nào khác theo quy định pháp luật để thực hiện Dịch vụ theo Hợp đồng, Phụ lục Hợp đồng; hoặc

- Một Bên gửi thông báo về yêu cầu chấm dứt Hợp đồng, Phụ lục Hợp đồng cho Bên kia bằng văn bản ít nhất 30 (Ba mươi) ngày trước ngày dự kiến chấm dứt Hợp đồng, Phụ lục Hợp đồng.

10.5. Khi chấm dứt Hợp đồng, Phụ lục Hợp đồng, các Bên phải có nghĩa vụ:

- Thực hiện tất toán các khoản nợ còn lại giữa Hai Bên liên quan đến việc thực hiện các nội dung quy định tại Hợp đồng, Phụ lục Hợp đồng và các văn bản thỏa thuận bổ sung (nếu có) được Hai Bên ký kết trong quá trình thực hiện Hợp đồng, Phụ lục Hợp đồng.
- Giải quyết các tranh chấp, khiếu nại có liên quan đến việc thực hiện Hợp đồng, Phụ lục Hợp đồng của hai bên.
- Nghĩa vụ bảo mật thông tin, nghĩa vụ bồi thường thiệt hại và mọi nghĩa vụ thanh toán khác phát sinh trước thời điểm chấm dứt Hợp đồng, Phụ lục Hợp đồng sẽ tiếp tục có giá trị ràng buộc các Bên sau khi Hợp đồng, Phụ lục Hợp đồng chấm dứt hiệu lực.

10.5. Chuyển nhượng Hợp đồng, Phụ lục Hợp đồng

- Không Bên nào được quyền chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ các Quyền, nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng, Phụ lục Hợp đồng cho bất kỳ một bên thứ ba nào khác nếu không được sự đồng ý của Bên còn lại bằng văn bản.

ĐIỀU 11: HIỆU LỰC HỢP ĐỒNG

11.1. Hợp đồng này có thời hạn 02 (hai) năm kể từ ngày ký hợp đồng và sẽ tự động gia hạn mỗi lần một năm nếu trước 15 ngày khi Hợp đồng hết hạn không bên nào gửi văn bản thông báo cho bên kia về việc chấm dứt hợp đồng.

11.2. Hợp đồng này và các Phụ lục kèm theo được lập thành 04 (bốn) bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 02 (hai) bản.

ĐẠI DIỆN CÔNG TY.....	**ĐẠI DIỆN VIETINBANK**
(Ký tên và đóng dấu)	*(Ký tên và đóng dấu)*

PHỤ LỤC 01:

THỎA THUẬN BẢO MẬT THÔNG TIN

(Kèm theo Hợp đồng ..... ký ngày...../...../..... giữa Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh..... và Công Ty .....)

Thỏa thuận bảo mật thông tin này được lập tại…….. , ngày tháng năm

Xét rằng, Hai Bên có nhu cầu trao đổi thông tin trong quá trình cung cấp và sử dụng các sản phẩm dịch vụ theo Hợp đồng …… ngày……. giữa…… ("**Hợp đồng**").

Mục tiêu: Mục tiêu của Hai Bên theo Thỏa thuận này là nhằm bảo vệ các thông tin bí mật trong quá trình cung cấp, trao đổi thông tin, thực hiện Hợp đồng giữa các Bên để cung cấp và sử dụng sản phẩm dịch vụ.

ĐIỀU 1: GIẢI THÍCH TỪ NGỮ

1.1. "Thông tin mật ": là tất cả các thông tin được đánh dấu "mật" hoặc/và những dạng thông tin khác cung cấp bởi một bên ("Bên cung cấp") cho bên còn lại ("Bên tiếp nhận") dưới hình thức văn bản, hồ sơ, sổ sách, hợp đồng, sổ sách kế toán, dữ liệu điện tử, băng ghi âm hoặc hình thức khác có liên quan trực tiếp đến việc thực hiện Hợp đồng, bao gồm nhưng không giới hạn bởi những thông tin sau:

a. Thông tin liên quan đến, thuộc về hoặc có liên hệ đến Bên cung cấp, chi nhánh của Bên cung cấp và/hoặc liên quan đến hoạt động kinh doanh, kế hoạch kinh doanh, tình trạng tài chính, tài sản, hoạt động, công việc và các điều kiện khác của Bên cung cấp hoặc chi nhánh của Bên cung cấp (bao gồm nhưng không giới hạn ở các nghiên cứu, phát triển, tìm tòi, phân tích, đánh giá, bí mật thương mại, sản phẩm, nguyên vật liệu, phát minh, hệ thống, nguyên mẫu, sản phẩm dở dang, hoạt động kinh doanh, kế hoạch kỹ thuật và tiếp thị, và các phương thức và quy trình kinh doanh);

b. Thông tin mà Bên cung cấp hay chi nhánh của Bên cung cấp có được về hoặc liên quan đến các bên thứ ba do kết quả của việc nghiên cứu, điều tra, phát triển, tìm tòi, phân tích và/hoặc đánh giá mà Bên cung cấp hoặc chi nhánh của Bên cung cấp thực hiện;

c. Thông tin về hoặc liên quan đến khách hàng, nhà cung cấp, nhà phân phối, hoặc đầu mối liên lạc kinh doanh của Bên cung cấp hoặc chi nhánh của Bên cung cấp, hoặc người có giao dịch kinh doanh với Bên cung cấp hoặc chi nhánh của Bên cung cấp;

d. Thông tin mà Bên cung cấp hoặc các chi nhánh của Bên cung cấp có được theo nghĩa vụ bảo mật đối với bất kỳ cá nhân, công ty hoặc pháp nhân nào;

e. Các phân tích, các tài liệu biên tập, các nghiên cứu và các tài liệu khác do Bên cung cấp, chuyên viên, nhân viên, cố vấn hoặc nhà tư vấn của Bên cung cấp chuẩn bị mà chứa đựng các đoạn từ (a) đến (d) ở trên;

f. Thỏa thuận này và bất kỳ điều khoản hoặc điều kiện nào của Thỏa thuận.

g. Các thỏa thuận, Hợp đồng, Phụ lục Hợp đồng và văn bản liên quan tới việc triển khai sản phẩm dịch vụ giữa hai Bên.

1.2. "Thỏa thuận": là bản Thỏa thuận bảo mật thông tin tại Phụ lục 01 này

1.3 "Sản phẩm dịch vụ": nghĩa là các sản phẩm dịch vụ ngân hàng mà VietinBank cung ứng cho *Công Ty .....)* theo quy định của Hợp đồng, Phụ lục Hợp đồng.

1.4. Tiết lộ Thông tin mật

Thông tin mật có thể được tiết lộ:

a. Bằng văn bản;

b. Bằng việc chuyển giao tài liệu;

c. Bằng việc tiếp cận Thông tin mật trong quá trình triển khai các hoạt động hợp tác; và

d. Bằng lời nói hoặc sự trình bày có thể nhìn thấy được.

1.5. "Bên cung cấp": là một Bên trong Thoả thuận này cung cấp/tiết lộ Thông tin mật cho Bên còn lại.

1.6. "Bên tiếp nhận" là một Bên trong Thoả thuận này tiếp nhận Thông tin mật từ Bên còn lại.

ĐIỀU 2: TRÁCH NHIỆM BẢO MẬT THÔNG TIN

Các Bên cam kết:

2.1. Dịch vụ công nghệ thông tin của từng Bên đáp ứng các quy định của pháp luật và thỏa thuận với Bên còn lại về bảo đảm an toàn thông tin; mỗi Bên có trách nhiệm phổ biến cho nhân sự của Bên mình tham gia thực hiện Hợp đồng các quy định về bảo đảm an toàn thông tin của Bên còn lại, thực hiện các biện pháp giám sát bảo đảm tuân thủ các quy định an toàn thông tin.

2.2. Không được sao chép, thay đổi, sử dụng hay cung cấp một phần hoặc toàn bộ Thông tin mật cho bất kỳ bên thứ ba nào không liên quan đến việc cung cấp và sử dụng sản phẩm dịch vụ theo Hợp đồng, trừ các trường hợp ngoại lệ theo quy định tại Thoả thuận này.

2.3. Từng Bên thông báo cho Bên còn lại khi phát hiện nhân sự của Bên mình vi phạm quy định về an toàn thông tin đối với dịch vụ mà Bên còn lại sử dụng.

2.4. Tất cả các cán bộ/nhân viên/người lao động của Hai Bên tham gia vào bất kỳ giai đoạn nào khi triển khai Hợp đồng này đều tuân thủ các nội dung sau đây:

a. Chỉ sử dụng các tài sản, thông tin do Bên còn lại cung cấp hoặc Bên còn lại cho phép tiếp cận cho mục đích thực hiện Hợp đồng này;

b. Giữ bí mật tài khoản được cấp, chỉ sử dụng tài khoản trong phạm vi quyền hạn được cấp cho mục đích thực hiện Hợp đồng này;

c. Không truy cập sang các hệ thống khác hoặc mở rộng quyền hạn trên hệ thống công nghệ thông tin của Bên cung cấp khi không được sự đồng ý của Bên đó;

d. Không khai thác các thông tin của Bên còn lại, khách hàng và bên thứ ba mà không liên quan đến Hợp đồng này.

2.5. Chỉ được phép tiết lộ, công bố Thông tin mật khi có sự chấp thuận trước bằng văn bản của Bên cung cấp, ngoại trừ các trường hợp ngoại lệ theo quy định tại Điều 3 của Thoả thuận này.

2.6. Bên tiếp nhận chịu trách nhiệm bảo đảm an toàn cho những Thông tin mật, đồng thời thực hiện tất cả các biện pháp hợp lý nhằm đảm bảo rằng không có nhân viên, viên chức liên quan hay cố vấn pháp lý, luật sư nội bộ nào của mình tiết lộ, sử dụng, lưu trữ, mô phỏng hoặc sao chép bất kỳ Thông tin mật nào phục vụ cho mục đích riêng, không liên quan đến việc cung cấp và sử dụng sản phẩm dịch vụ theo Hợp đồng.

2.7. Nếu Bên tiếp nhận cung cấp/tiết lộ Thông tin mật cho bên thứ ba nào khác (trong phạm vi được phép theo Thỏa thuận này hoặc theo sự chấp thuận trước bằng văn bản của Bên cung cấp) thì Bên tiếp nhận phải đảm bảo bên thứ ba đó cũng sẽ có nghĩa vụ bảo mật những Thông tin đã tiếp nhận theo những quy định tương tự như tại Thoả thuận này.

2.8. Trường hợp các Bên sử dụng nhà thầu phụ không làm thay đổi trách nhiệm của các Bên theo cam kết bảo mật thông tin tại Phụ lục 01 này.

2.9. Dữ liệu phát sinh trong quá trình sử dụng dịch vụ là tài sản củaBên cung cấp. Khi chấm dứt sử dụng dịch vụ:

a. Bên tiếp nhận thực hiện trả lại hoặc hỗ trợ chuyển toàn bộ dữ liệu triển khai và dữ liệu phát sinh trong quá trình sử dụng dịch vụ về cho Bên cung cấp;

b. Bên tiếp nhận cam kết hoàn thành việc xóa/hủy toàn bộ dữ liệu của tổ chức trong một khoảng thời gian xác định.

2.10. Các thông tin bí mật phải được mã hóa hoặc áp dụng các biện pháp bảo mật thông tin trước khi trao đổi. Đối với hệ thống thông tin cấp độ 5, các Bên phải sử dụng kết nối mạng an toàn và các thiết bị, phương tiện chuyên dụng để mã hóa, giải mã thông tin bí mật và khi trao đổi thông tin.

2.11. Thực hiện biện pháp bảo vệ trang thiết bị, phần mềm phục vụ trao đổi thông tin nhằm hạn chế việc xâm nhập, khai thác bất hợp pháp.

ĐIỀU 3: CÁC TRƯỜNG HỢP NGOẠI LỆ

3.1. Nghĩa vụ bảo mật của mỗi Bên theo quy định tại Thỏa thuận này sẽ không áp dụng đối với những thông tin mà:

a. Đã xuất hiện trên các phương tiện thông tin đại chúng;

b. Bên tiếp nhận có thể chứng minh được rằng đó là những thông tin thuộc sở hữu hợp pháp của mình trước khi lần đầu tiên nhận được từ Bên cung cấp;

c. Những thông tin mà dù một Bên coi là mật nhưng tại thời điểm ký Thỏa thuận đã được công bố rộng rãi hoặc thông tin bị mất tính "Mật" kể từ thời điểm được công bố rộng rãi sau này bởi Bên cung cấp thông tin;

d. Thông tin mà mỗi Bên đã có được từ các nguồn khác nhau trước thời điểm ký Hợp đồng.

e. Những thông tin bắt buộc phải được công bố theo quy định của pháp luật hoặc cung cấp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Trong trường hợp này, một Bên phải thông báo cho Bên kia biết trước khi cung cấp (nếu có thể thực hiện được).

3.2. Một Bên có quyền tiết lộ thông tin bí mật của mình cho các chức danh quản lý, kiểm toán viên, viên chức, nhân viên, cố vấn pháp lý, luật sư nội bộ hoặc những chuyên viên cần được biết thông tin đó nhằm mục đích thực hiện Hợp đồng và/hoặc các công việc có liên quan khác có liên quan đến Hợp đồng, với điều kiện các bên nhận thông tin này sẽ có nghĩa vụ bảo mật những thông tin đã được tiếp nhận theo những quy định tương tự Thỏa thuận này.

ĐIỀU 4: BỒI THƯỜNG THIỆT HẠI

Bên tiếp nhận sẽ bồi thường cho Bên cung cấp bất cứ tổn thất/thiệt hại vật chất nào mà Bên cung cấp đã trực tiếp gánh chịu do việc tiết lộ Thông tin trái phép hoặc việc sử dụng Thông tin hay bất cứ vi phạm các điều khoản/điều kiện đã ghi nhận trong Thỏa thuận này, với điều kiện Bên bị thiệt hại chứng minh được những thiệt hại đó là có thật và việc vi phạm Thỏa thuận của Bên còn lại là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến thiệt hại đó.

ĐIỀU 5: HIỆU LỰC

Thỏa thuận bảo mật này có hiệu lực kể từ ngày ký Hợp đồng và vẫn còn hiệu lực kể cả khi Hợp đồng và/hoặc bất kỳ Phụ lục Hợp đồng nào chấm dứt hoặc hết thời hạn hiệu lực.

ĐIỀU 6: VĂN BẢN ĐÍNH KÈM

Thỏa thuận này và, nếu áp dụng, các Biên bản cam kết bảo mật Thông tin ký bởi nhân sự của mỗi Bên tham gia Hợp đồng này (nếu có) là thành phần không thể tách rời của Hợp đồng.

ĐIỀU 7: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

7.1. Mọi sửa đổi, bổ sung Thỏa thuận này chỉ có hiệu lực khi được lập thành Văn bản và được ký và đóng dấu bởi người đại diện hợp pháp của Các Bên tham gia Thỏa thuận.

7.2. Không bên nào có thể chuyển nhượng, hoặc chuyển giao các quyền của mình hoặc ủy nhiệm các trách nhiệm và nghĩa vụ của mình theo Thỏa thuận này nếu không được đồng ý trước bằng văn bản của bên kia. Bất kỳ nỗ lực nào nhằm thực hiện việc này đều không có giá trị pháp lý.

7.3. Trong mọi trường hợp (bao gồm cả trường hợp Bên cung cấp đã cung cấp Thông tin cho Bên tiếp nhận), Bên cung cấp luôn là chủ sở hữu duy nhất và độc quyền của tất cả Thông tin của mình. Tất cả các văn bản/tài liệu được Bên cung cấp tiết lộ cho Bên tiếp nhận sẽ vẫn là tài sản của Bên cung cấp và sẽ được Bên tiếp nhận hoàn trả/hủy ngay lập tức theo quy định tại Khoản 2.9 Điều 2 của Thỏa thuận này.

7.4. Thỏa thuận này vẫn được áp dụng cho người kế thừa và người được chuyển nhượng.

7.5. Thỏa thuận này là thỏa thuận hoàn chỉnh của các bên liên quan đến việc bảo mật Thông tin, và thay thế mọi trao đổi bằng miệng hay văn bản trước đây giữa hai bên về việc bảo mật Thông tin này. Bằng việc ký tên dưới đây, mỗi Bên đồng ý các điều khoản của thỏa thuận này.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ QUẢN LÝ KHOẢN PHẢI THU
THÔNG QUA ĐỊNH DANH TÀI KHOẢN (PL 02)

(Ban hành kèm theo Hợp đồng số /2025/……. ngày /……. /2025 Giữa Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam Chi nhánh …….. và Công ty ……)

Hôm nay, ngày……tháng……năm……, tại ....., chúng tôi gồm:
Bên sử dụng dịch vụ:

CÔNG TY

(Sau đây gọi tắt là Bên SDDV)
ĐKKD số: cấp ngày: tại

Địa chỉ :

Điện thoại/Fax :

Đại diện hợp pháp:

Chức vụ:

(Theo Giấy ủy quyền số ..... ngày.....của.....(nếu có))

Bên cung cấp dịch vụ:

NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH

(Sau đây gọi tắt là VietinBank)

Địa chỉ:

Điện thoại/Fax:

Đại diện hợp pháp:

Chức vụ:

(Theo Giấy ủy quyền số ..... ngày ..... tháng ..... năm ..... của Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam)

VietinBank và Bên sử dụng dịch vụ sau đây được gọi chung là "**Các Bên**" hoặc gọi riêng là một "**Bên**" tùy theo từng ngữ cảnh trong Phụ lục Hợp đồng.

Các Bên đã thoả thuận và đồng ý ký kết Phụ lục Hợp đồng dịch vụ quản lý khoản phải thu thông qua giải pháp Định danh tài khoản *(sau đây gọi là Phụ lục Hợp đồng)* theo các điều kiện và điều khoản như sau:

ĐIỀU 1: GIẢI THÍCH TỪ NGỮ TRONG PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG

1.1 **Dịch vụ:** là dịch vụ quản lý khoản phải thu thông qua giải pháp Định danh tài khoản.

1.2 **Giải pháp Định danh tài khoản:** là giải pháp công nghệ số liên kết giữa một Tài khoản thanh toán của Bên SDDV mở tại VietinBank với tập hợp các mã định danh tài khoản.

1.3 **Tài khoản thanh toán**: là tài khoản thanh toán số ..... của Công ty..... mở tại VietinBank dùng để tập trung nguồn thu thông qua các mã định danh tài khoản[2].

1.4 **Khách hàng**: là cá nhân, tổ chức sử dụng hàng hóa, dịch vụ của Công ty....., thanh toán tiền vào mã định danh tài khoản của Công ty..... tại VietinBank.

1.5 **Mã định danh tài khoản**: Là các mã số (code) được tạo ra bằng một nền tảng số, theo thiết kế của Bên SDDV để gán cho một hoặc nhiều khoản phải thu có cùng tính chất/tiêu chí theo quản lý của Bên SDDV. Mỗi mã định danh tài khoản đại diện cho 1 tiêu chí quản lý khoản phải thu **tồn tại duy nhất** của Bên SDDV *(ví dụ: mã khách hàng, mã sản phẩm, số hóa đơn, số đơn đặt hàng, số điện thoại di động...)*, là dấu hiệu nhận diện và bóc tách doanh thu (dòng tiền vào Tài khoản thanh toán) của Bên SDDV. Mã định danh tài khoản được liên kết thông qua giải pháp công nghệ số để VietinBank nhận diện hạch toán trực tiếp vào Tài khoản thanh toán số ..... của Bên SDDV mở tại VietinBank khi nhận được chỉ thị thanh toán của khách hàng có nội dung chỉ thị ghi Có vào mã định danh tài khoản.

1.6 Các tham số kiểm soát giao dịch của từng mã định danh tài khoản bao gồm:

a. **Hạn mức ghi có tối đa/giao dịch của từng mã định danh tài khoản**: là số tiền tối đa trên một giao dịch được phép ghi có vào Tài khoản thanh toán của Bên SDDV thông qua mã định danh tài khoản tương ứng.

b. **Hạn mức ghi có tối thiểu/giao dịch của từng mã định danh tài khoản**: là số tiền tối thiểu trên một giao dịch được phép ghi có vào Tài khoản thanh toán của Bên SDDV thông qua mã định danh tài khoản tương ứng.

---

[2] Trường hợp Công ty..... có nhu cầu sử dụng nhiều tài khoản thanh toán, Chi nhánh điều chỉnh nội dung thỏa thuận như sau: "Tài khoản thanh toán: là các tài khoản thanh toán của Công ty..... mở tại VietinBank dùng để tập trung nguồn thu thông qua các tập hợp mã định danh tài khoản, cụ thể theo Mẫu 04.1 Phụ lục 04." Đồng thời, Chi nhánh lưu ý điều chỉnh các điều khoản có chỉ dẫn "Tài khoản thanh toán số …." tương ứng tại Phụ lục để phù hợp.

c. **Thời hạn ghi có của từng mã định danh tài khoản**: là thời hạn tối đa được phép ghi có vào Tài khoản thanh toán của Bên SDDV thông qua mã định danh tài khoản tương ứng.

1.7 **Ngày Làm Việc:** là một ngày làm việc bình thường của VietinBank, từ Thứ Hai đến Thứ Sáu, trừ những ngày nghỉ theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

1.8 **Kênh thu hộ:** là các kênh mà VietinBank thực hiện việc thu hộ cho Bên SDDV theo Phụ lục Hợp đồng này. Để làm rõ, Kênh thu hộ có thể bao gồm nhưng không giới hạn ở các kênh điện tử của VietinBank như Internet Banking, các kênh vật lý như thu hộ tại quầy giao dịch của VietinBank hoặc các kênh từ ngân hàng khác VietinBank.

ĐIỀU 2: DỊCH VỤ CUNG CẤP

2.1. Phạm vi Dịch vụ mà VietinBank cung cấp cho Bên SDDV theo Phụ lục Hợp đồng này bao gồm:

a. Tạo mới, Bổ sung, Thay đổi thông tin, Thông báo các mã định danh tài khoản: Công ty..... gửi yêu cầu VietinBank thực hiện tạo mới, bổ sung, thay đổi thông tin các mã định danh tài khoản. Công ty..... nhận thông báo Danh sách mã định danh tài khoản do VietinBank thông báo theo điểm d Khoản 2.2 Điều 2 Phụ lục 02.

b. Thu hộ tiền vào Tài khoản thanh toán thông qua mã định danh tài khoản: VietinBank thu tiền mà Khách hàng của Công ty..... nộp/chuyển vào mã định danh tài khoản của Công ty..... thông qua các Kênh thu hộ. Tất cả các giao dịch nộp/chuyển tiền đến các mã định danh tài khoản được VietinBank ghi Có trực tiếp vào Tài khoản thanh toán số ..... duy nhất của Công ty..... mở tại VietinBank.

c. Cung cấp cho Công ty.....: (i) Báo cáo quản lý khoản phải thu gồm các giao dịch vào Tài khoản thanh toán phân loại theo các mã định danh tài khoản và (ii) Sao kê Tài khoản thanh toán.

2.2. Đặc điểm mã định danh tài khoản

a. Cấu trúc mã định danh tài khoản: Mã định danh tài khoản có độ dài từ 4 đến 25 ký tự, gồm hai phần:

(i) 4 ký tự đầu là Phần số cố định do VietinBank cấp;

(ii) từ 0 đến 21 ký tự sau là Phần biến số theo chỉ định của Bên SDDV.

b. Loại tiền: VND.

c. Công ty..... đăng ký sử dụng Dịch vụ theo một trong hai lựa chọn dưới đây[3]:

d. Bên SDDV đăng ký sử dụng Dịch vụ theo lựa chọn dưới đây:

☒ **Ngân hàng chỉ quản lý phần số cố định trong cấu trúc mã định danh tài khoản** với các thỏa thuận như sau:

---

[3] **Để ngắn gọn Phụ lục, Chi nhánh có thể chủ động lược bỏ lựa chọn Khách hàng không đăng ký, ĐỒNG THỜI điều chỉnh lại mã hiệu Mẫu kèm theo Phụ lục.**

(i) Phần biến số của mã định danh tài khoản do Công ty..... tự quản lý và cấp cho từng Khách hàng của Công ty.....

(ii) Tên định danh tài khoản: là **Tên Tài khoản thanh toán**.

(iii) Đăng ký thông tin mã định danh tài khoản: VietinBank cấp phần số cố định trong cấu trúc mã định danh tài khoản và gửi Thông báo cho Công ty..... theo Mẫu 02.1, và là một phần không tách rời của Phụ lục 02.

(iv)) Nguyên tắc ghi Có:

- Giao dịch nộp tiền/chuyển tiền đến mã định danh tài khoản được VietinBank hạch toán ghi Có vào Tài khoản thanh toán, **nhận thông báo thanh toán không tiền mặt tức thời** bằng giọng nói, đọc chính xác số tiền mà khách hàng đã chuyển khoản của Công ty..... khi khớp đúng phần số cố định, khớp đúng Tên tài khoản thanh toán và phù hợp độ dài của mã định danh tài khoản. Trường hợp Khách hàng thanh toán cho Công ty..... nhập/chuyển sai mã định danh tài khoản do Công ty..... cấp nhưng vẫn khớp đúng Tên tài khoản thanh toán, đúng phần số cố định và phù hợp độ dài của mã định danh tài khoản, VietinBank vẫn hạch toán giao dịch (ghi Có vào Tài khoản thanh toán); Căn cứ Sao kê Tài khoản thanh toán hoặc Báo cáo quản lý khoản phải thu do VietinBank cung cấp và Dữ liệu quản lý Khách hàng tại Công ty....., Công ty..... gạch nợ bổ sung cho Khách hàng của mình hoặc Công ty..... gửi yêu cầu VietinBank hoàn trả tiền cho Khách hàng đó.
- Trường hợp giao dịch nộp tiền/chuyển tiền đến mã định danh tài khoản nhưng không khớp đúng Tên tài khoản thanh toán **hoặc** không khớp đúng phần số cố định **hoặc** vượt quá độ dài tối đa của mã định danh tài khoản, VietinBank từ chối giao dịch (không hạch toán ghi có vào Tài khoản thanh toán của Công ty.....).

☐ **Ngân hàng quản lý toàn bộ cấu trúc mã định danh tài khoản** với các thỏa thuận như sau:

(i) Tên định danh tài khoản: …..[4]

(ii) Đăng ký thông tin mã định danh tài khoản:

- Công ty..... cung cấp cho VietinBank danh sách mã định danh tài khoản *(theo Mẫu 02.2 của Phụ lục 02)*.

---

[4] Chi nhánh điền nội dung theo thỏa thuận với Khách hàng: "Tên định danh tài khoản là tên Tài khoản thanh toán" HOẶC "Tên định danh tài khoản bắt đầu bằng tên Tài khoản thanh toán, nối tiếp phần nội dung bổ sung theo nhu cầu của Công ty....., theo Mẫu 02.2 – Danh sách mã định danh tài khoản kèm theo Phụ lục 02"

- Trong vòng 02 ngày làm việc kể từ khi nhận được Văn bản yêu cầu của Công ty....., VietinBank cấp phần số cố định trong cấu trúc mã định danh tài khoản, ký xác nhận và đăng ký thành công cho Công ty.....
- Danh sách mã định danh tài khoản theo đăng ký của Công ty..... và được VietinBank xác nhận sẽ là phần không tách rời của Phụ lục 02.

(iii) Sửa đổi, bổ sung thông tin mã định danh tài khoản:

- Trường hợp cần sửa đổi thông tin mã định danh tài khoản đã đăng ký hoặc đăng ký bổ sung mã định danh tài khoản mới, Công ty..... gửi Văn bản cho VietinBank danh sách mã định danh tài khoản sửa đổi hoặc bổ sung mới *(theo Mẫu 02.2 của Phụ lục 02)*.
- Trong vòng 02 ngày làm việc kể từ khi nhận được Văn bản yêu cầu của Công ty....., VietinBank ký xác nhận và đăng ký thành công cho Công ty.....
- Văn bản đăng ký của Công ty..... và được VietinBank xác nhận sẽ là phần không tách rời của Phụ lục 04.

(iv) Nguyên tắc ghi Có:

- Giao dịch nộp tiền/chuyển tiền đến mã định danh tài khoản chỉ được VietinBank hạch toán ghi Có vào Tài khoản thanh toán của Công ty..... khi khớp đúng mã định danh tài khoản trong danh sách mã định danh tài khoản đã đăng ký, khớp đúng Tên tài khoản thanh toán hoặc Tên định danh tài khoản đã đăng ký, và thỏa mãn các tham số kiểm soát giao dịch của từng mã định danh tài khoản (nếu có).
- Trường hợp Khách hàng thanh toán cho Công ty..... nhập/chuyển sai mã định danh tài khoản trong danh sách mã định danh tài khoản đã đăng ký **hoặc** không khớp đúng Tên tài khoản thanh toán/Tên định danh tài khoản đã đăng ký **hoặc** không đáp ứng các tham số kiểm soát giao dịch của từng mã định danh tài khoản (nếu có), VietinBank từ chối giao dịch (không hạch toán ghi có vào Tài khoản thanh toán của Công ty.....).

2.3. Công ty..... thông báo, cung cấp Mã định danh tài khoản và Tên định danh tài khoản/Tên tài khoản thanh toán cho từng Khách hàng của Công ty..... và yêu cầu, hướng dẫn Khách hàng của Công ty..... thực hiện thanh toán cho Công ty..... thông qua Mã định danh tài khoản và Tên định danh tài khoản /Tên tài khoản thanh toán đã được cung cấp.

2.4. Sau khi Tài khoản thanh toán của Công ty..... phát sinh giao dịch ghi có, VietinBank thực hiện gửi thông tin hạch toán cho Công ty..... thông qua (các) kênh được lựa chọn sau đây[5]:

---

[5] Chi nhánh có thể lược bỏ Khoản 2.5 này nếu Công ty..... đã đăng ký sử dụng dịch vụ SMS Banking/OTT và/hoặc đã đăng ký sử dụng dịch vụ thông báo biến động số dư qua API.

☐ SMS Banking

☒ OTT

☐ Kết nối API

Chi tiết theo [Mẫu 02.3. Phụ lục 02] [và Giấy đăng ký sử dụng dịch vụ SMS/OTT đã ký giữa Các Bên[6]].

2.5. VietinBank cung cấp Báo cáo quản lý khoản phải thu cho Công ty..... trên Internet Banking (VietinBank eFAST) và/hoặc qua kết nối VietinBank ERP-Connect của VietinBank, đây là Báo cáo liệt kê các giao dịch đã được hạch toán ghi Có thành công vào Tài khoản thanh toán của Công ty..... mở tại VietinBank.

ĐIỀU 3: QUY TRÌNH ĐỐI CHIẾU VÀ XỬ LÝ SAU ĐỐI CHIẾU

3.1. Chu kỳ đối chiếu

a. Ngày T là ngày thực hiện giao dịch. Phiên giao dịch tính từ 0:00:00 đến 23:59:59 ngày T.

b. Phiên đối chiếu: Mốc thời gian của phiên đối chiếu tính từ 00:00:00 giờ ngày T đến 23:59:59 giờ ngày T. Việc gửi Dữ liệu đối chiếu được thực hiện hàng ngày vào tất cả các ngày bao gồm thứ 7, chủ nhật & ngày nghỉ lễ, Tết.

c. Thời gian thực hiện chiếu: Hàng ngày, vào các ngày làm việc trong tuần.

3.2. Nội dung đối chiếu: kiểm tra, đối chiếu về các giao dịch ghi có vào Tài khoản thanh toán của Công ty..... thông qua mã định danh tài khoản **so với** Dữ liệu thanh toán ghi nhận trên hệ thống của Công ty.....

3.3. Nội dung đối chiếu: kiểm tra, đối chiếu về các giao dịch ghi có vào Tài khoản thanh toán của Bên SDDV thông qua mã định danh tài khoản **so với** Dữ liệu thanh toán ghi nhận trên hệ thống của Bên SDDV.

3.4. Quy trình đối chiếu thủ công

a. Bước 1: Công ty..... chủ động khai thác Báo cáo quản lý khoản phải thu trên Internet Banking (VietinBank eFAST) và/hoặc qua kết nối VietinBank ERP-Connect của VietinBank/VietinBank Chi nhánh.....gửi sao kê tài khoản thanh toán qua địa chỉ email.....cho Công ty.....

b. Bước 2: Công ty..... tiến hành đối chiếu giữa dữ liệu nhận được từ VietinBank với số liệu ghi nhận thành công tại Công ty..... để đối chiếu các kết quả chênh lệch theo 1 trong 2 trường hợp sau:

b.1. Trường hợp không xuất hiện chênh lệch: Quá trình đối chiếu kết thúc.

b.2. Trường hợp xuất hiện chênh lệch: VietinBank và Công ty..... phối hợp xử lý như sau:

---

[6] Chi nhánh giữ lại nội dung này nếu Khách hàng đã đăng ký sử dụng dịch vụ SMS Banking/OTT trước đây.

(i) Trường hợp trạng thái chênh lệch **VietinBank hạch toán thành công, Công ty..... gạch nợ thất bại**, VietinBank và Công ty..... phối hợp xử lý như sau:

- Cách 1: Công ty..... thực hiện gạch nợ bổ sung. [Kết thúc đối chiếu đối với các giao dịch đã được xử lý theo hình thức này.[7]]
- Cách 2: Công ty..... gửi yêu cầu VietinBank hoàn trả tiền: Công ty..... lập văn bản (công văn) hoặc Ủy nhiệm chi gửi VietinBank, VietinBank thực hiện trích tiền từ tài khoản của Công ty..... và hoàn trả tiền cho Khách hàng của Công ty.....[....[8]]

(ii) Trường hợp trạng thái chênh lệch **VietinBank hạch toán thất bại, Công ty..... gạch nợ thành công**: Hai Bên xác định nguyên nhân và thống nhất phương án xử lý tại *Mẫu 02.3 – Báo cáo chi tiết các giao dịch chênh lệch giữa hai hệ thống* kèm theo Phụ lục 02, cụ thể: Thực hiện hủy gạch nợ các Khách hàng liên quan tại Công ty..... hoặc phối hợp truy thu tiền từ Khách hàng của Công ty..... Trường hợp truy thu từ Khách hàng, Công ty..... cung cấp thông tin xác nhận giao dịch đã thành công, hóa đơn/chứng từ xác nhận việc cung cấp hàng hóa dịch vụ cho Khách hàng của Công ty..... đã được thanh toán, căn cứ trên giấy tờ mà Công ty..... cung cấp và nguyên nhân lỗi, trong phạm vi khả năng và nỗ lực cao nhất của mình, VietinBank phối hợp với Công ty..... và Khách hàng liên quan để thực hiện truy thu tiền.

3.5. Quy trình đối chiếu tự động

a. Dữ liệu đối chiếu: Theo đặc tả kỹ thuật thống nhất giữa tổ chức và NHCT.

b. Bước 1: Hệ thống VietinBank tự động tạo và gửi file dữ liệu đối chiếu lên ....

c. Bước 2: Công ty..... tiến hành đối chiếu giữa dữ liệu nhận được từ VietinBank với số liệu ghi nhận thành công tại Công ty..... để đối chiếu các kết quả chênh lệch theo 1 trong 2 trường hợp sau:

b.1. Trường hợp không xuất hiện chênh lệch: Quá trình đối chiếu kết thúc.

b.2. Trường hợp xuất hiện chênh lệch: VietinBank và Công ty..... phối hợp xử lý như sau:

(iii) Trường hợp trạng thái chênh lệch **VietinBank hạch toán thành công, Công ty..... gạch nợ thất bại**, VietinBank và Công ty..... phối hợp xử lý như sau:

---

[7] Trường hợp thu phí duy trì dịch vụ theo số lượng giao dịch hàng tháng, Chi nhánh thay đổi nội dung này thành: Công ty..... thông báo cho VietinBank được biết qua email … để có cơ sở chốt số lượng giao dịch qua mã định danh tài khoản hàng tháng.

[8] Trường hợp thu phí duy trì dịch vụ theo số lượng giao dịch hàng tháng, Chi nhánh đưa thêm nội dung: Công ty..... thông báo cho VietinBank được biết qua email … để có cơ sở chốt số lượng giao dịch qua mã định danh tài khoản hàng tháng.

- Cách 1: Công ty..... thực hiện gạch nợ bổ sung. [Kết thúc đối chiếu đối với các giao dịch đã được xử lý theo hình thức này.[9]]
- Cách 2: Công ty..... gửi yêu cầu VietinBank hoàn trả tiền: Công ty..... lập văn bản (công văn) hoặc Ủy nhiệm chi gửi VietinBank, VietinBank thực hiện trích tiền từ tài khoản của Công ty..... và hoàn trả tiền cho Khách hàng của Công ty..... [....[10]]

(iv) Trường hợp trạng thái chênh lệch **VietinBank hạch toán thất bại, Công ty..... gạch nợ thành công**: Hai Bên xác định nguyên nhân và thống nhất phương án xử lý tại *Mẫu 02.3 – Báo cáo chi tiết các giao dịch chênh lệch giữa hai hệ thống* kèm theo Phụ lục 02, cụ thể: Thực hiện hủy gạch nợ các Khách hàng liên quan tại Công ty..... hoặc phối hợp truy thu tiền từ Khách hàng của Công ty..... Trường hợp truy thu từ Khách hàng, Công ty..... cung cấp thông tin xác nhận giao dịch đã thành công, hóa đơn/chứng từ xác nhận việc cung cấp hàng hóa dịch vụ cho Khách hàng của Công ty..... đã được thanh toán, căn cứ trên giấy tờ mà Công ty..... cung cấp và nguyên nhân lỗi, trong phạm vi khả năng và nỗ lực cao nhất của mình, VietinBank phối hợp với Công ty..... và Khách hàng liên quan để thực hiện truy thu tiền.

ĐIỀU 4: PHÍ DỊCH VỤ

4.1. Phí cung cấp và sử dụng Dịch vụ tại Phụ lục 02 bao gồm[11]:

a. Phí đăng ký/thay đổi thông tin đăng ký (sửa đổi/hủy) dịch vụ: …

b. Phí duy trì dịch vụ: …

c. Ngày thu phí duy trì dịch vụ: Ngày … hàng tháng. Trường hợp ngày thu phí duy trì dịch vụ rơi vào ngày lễ, ngày nghỉ của VietinBank thì ngày thu phí duy trì dịch vụ là ngày làm việc liền kề tiếp theo.

d. Trong trường hợp có bất kỳ sự thay đổi nào về mức phí dịch vụ, mỗi bên có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho Bên còn lại trước 30 ngày làm việc và phải được sự thống nhất bằng văn bản hoặc phụ lục của hai Bên trước khi áp dụng chính thức.

4.2. Phương thức thanh toán phí

a. Phí dịch vụ (nếu có) sẽ được hệ thống của VietinBank tự động tính và tự động trích nợ tiền phí sử dụng dịch vụ từ tài khoản chuyên thu của Bên B mở tại Bên A theo định kỳ thời gian thống nhất giữa hai Bên (Quy định cụ thể tại Phụ lục đính kèm);

---

[9] Trường hợp thu phí duy trì dịch vụ theo số lượng giao dịch hàng tháng, Chi nhánh thay đổi nội dung này thành: Công ty..... thông báo cho VietinBank được biết qua email … để có cơ sở chốt số lượng giao dịch qua mã định danh tài khoản hàng tháng.

[10] Trường hợp thu phí duy trì dịch vụ theo số lượng giao dịch hàng tháng, Chi nhánh đưa thêm nội dung: Công ty..... thông báo cho VietinBank được biết qua email … để có cơ sở chốt số lượng giao dịch qua mã định danh tài khoản hàng tháng.

[11] Chi nhánh điền nội dung theo thỏa thuận với Khách hàng

b. Phí Dịch vụ có thể được thay đổi tùy từng thời điểm và với sự thống nhất thỏa thuận bằng văn bản của các Bên. Việc thay đổi này phải được các bên lập thành Phụ lục và là một phần không thể tách rời của Hợp đồng này.
c. Công ty..... đồng ý cho VietinBank quyền chủ động ghi nợ Tài khoản thanh toán của Công ty..... mở tại VietinBank để thanh toán các khoản phí sử dụng Dịch vụ theo Phụ lục 02 và VietinBank sẽ xuất hoá đơn thuế giá trị gia tăng cho Công ty.....
d. Bên SDDV có nghĩa vụ thanh toán đầy đủ các khoản phí dịch vụ, các loại phí khác (nếu có) trước khi Các Bên chấm dứt Phụ lục Hợp đồng.
e. Trường hợp bên SDDV không thanh toán phí dịch vụ …(…) kỳ liên tiếp, VietinBank có quyền đơn phương chấm dứt cung cấp dich vụ cho Bên SDDV theo Phụ lục Hợp đồng này.

ĐIỀU 5: QUYỀN LỢI VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA BÊN SDDV

5.1. Quyền lợi của Công ty.....

a. Khiếu nại với VietinBank nếu có sai sót xảy ra trong quá trình sử dụng Dịch vụ.
b. Được quyền tra cứu, kết xuất Báo cáo quản lý khoản phải thu qua Internet Banking (VietinBank eFAST) và/hoặc qua kết nối VietinBank ERP-Connect của VietinBank.
c. Được yêu cầu cung cấp các thông tin về các giao dịch thanh toán và số dư trên Tài khoản thanh toán của mình.
d. Được VietinBank bảo mật thông tin liên quan Tài khoản thanh toán, các giao dịch phát sinh trên Tài khoản thanh toán và các thông tin liên quan đến việc sử dụng Dịch vụ theo Phụ lục 02.
e. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và theo thỏa thuận của Các Bên.

5.2. Trách nhiệm của Công ty.....

a. Thông báo, cung cấp Mã định danh tài khoản và Tên định danh tài khoản cho từng Khách hàng của Công ty..... phù hợp theo thỏa thuận với VietinBank tại Phụ lục 02. Đồng thời, Công ty..... có trách nhiệm thông báo đầy đủ, rõ ràng cho Khách hàng của mình biết và hiểu về việc: khi Khách hàng thực hiện thanh toán/chuyển tiền vào Mã định danh tài khoản của Công ty..... thì toàn bộ số tiền chuyển vào mã định danh tài khoản sẽ được ghi Có vào Tài khoản thanh toán số ……. của Công ty..... liên kết với mã định danh tài khoản.
b. Yêu cầu, hướng dẫn Khách hàng của mình thực hiện thanh toán thông qua Mã định danh tài khoản và Tên định danh tài khoản/Tên tài khoản thanh toán đã được cung cấp.
c. Kịp thời thông báo cho VietinBank khi phát hiện thấy có sai sót, nhầm lẫn trên Tài khoản thanh toán của mình hoặc nghi ngờ Tài khoản thanh toán của mình bị lợi dụng.
d. Hoàn trả hoặc phối hợp với VietinBank hoàn trả các khoản tiền do sai sót, nhầm lẫn đã ghi Có vào Tài khoản thanh toán của mình mở tại VietinBank.

e. Phối hợp với VietinBank đối soát, tra soát giao dịch và giải quyết khiếu nại (nếu có) liên quan các giao dịch ghi Có vào Tài khoản thanh toán của mình mở tại VietinBank.
f. Công ty..... sẽ giữ cho VietinBank vô hại và miễn trừ trách nhiệm pháp lý cho VietinBank trong việc sử dụng mã định danh tài khoản của Công ty.....
g. Công ty..... chịu trách nhiệm về thiệt hại xảy ra do lỗi vận hành hệ thống, quản lý sử dụng dữ liệu thuộc Công ty..... quản lý, thiệt hại do sai sót tác nghiệp của Công ty.....
h. Công ty..... cam đoan và bảo đảm rằng mọi giao dịch theo các Phụ lục/Thỏa thuận được ký giữa Công ty..... và Khách hàng sử dụng hàng hóa, dịch vụ của Công ty..... được thực hiện thông qua giải pháp Định danh tài khoản là hợp pháp trên mọi khía cạnh.
i. Công ty..... sẽ bồi thường và giữ cho VietinBank vô hại khỏi mọi tổn thất, thiệt hại có thể phát sinh cho VietinBank liên quan đến các tranh chấp, khiếu nại, tính hợp pháp của các Phụ lục/Thỏa thuận giữa Công ty..... và Khách hàng sử dụng hàng hóa, dịch vụ thanh toán cho Công ty..... qua mã định danh tài khoản, bao gồm nhưng không giới hạn ở các chi phí luật sư, chi phí đi lại, ăn ở phát sinh cho VietinBank trong quá trình tham gia giải quyết bất tranh chấp, khiếu nại hoặc bất kỳ thủ tục tố tụng nào khác.
j. Thanh toán phí sử dụng Dịch vụ (nếu có) cho VietinBank theo đúng thoả thuận tại Điều 4 của Phụ lục 02.
k. Giữ bí mật và không được phép tiết lộ các thông tin về Phụ lục, thông tin liên quan đến Dịch vụ do VietinBank cung cấp mà Công ty..... biết được trong quá trình sử dụng Dịch vụ theo Phụ lục 02 cho bất kỳ bên thứ ba nào khác nếu chưa có sự đồng ý bằng văn bản của VietinBank.

ĐIỀU 6: QUYỀN LỢI VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA VIETINBANK

6.1. Quyền lợi của VietinBank

a. Yêu cầu và hướng dẫn Công ty..... cung cấp đầy đủ các thông tin, hồ sơ, thủ tục có liên quan để sử dụng Dịch vụ phù hợp theo quy định của pháp luật và quy định của VietinBank.
b. VietinBank được thu tiền phí sử dụng dịch vụ của bên B theo đúng thoả thuận tại Điều 4 của Phụ lục 02.

6.2. Trách nhiệm của VietinBank

a. Hạch toán đầy đủ, chính xác các giao dịch phát sinh vào Tài khoản thanh toán khi nhận được đề nghị ghi Có vào mã định danh tài khoản theo đúng nội dung tại Phụ lục 02.
b. Phối hợp với Công ty..... xử lý các sai sót, khiếu nại (nếu có) trong quá trình cung cấp và sử dụng Dịch vụ.
c. Cung cấp đầy đủ, trung thực các thông tin liên quan đến Tài khoản thanh toán theo yêu cầu của Công ty.....

d. Quản trị cơ sở dữ liệu Công ty....., áp dụng các biện pháp đảm bảo an toàn số liệu, thông tin về giao dịch thanh toán của Công ty.....
e. Chịu trách nhiệm về thiệt hại xảy ra do lỗi vận hành hệ thống, quản lý dữ liệu thuộc VietinBank quản lý.
f. Đảm bảo các điều kiện khai thác, sử dụng dịch vụ cho Công ty..... trong phạm vi khả năng và trách nhiệm của VietinBank.
g. Giữ bí mật và không được phép tiết lộ các thông tin về Phụ lục, thông tin liên quan đến Công ty....., Khách hàng của Công ty..... mà VietinBank biết được trong quá trình cung cấp Dịch vụ theo Phụ lục 02 cho bất kỳ bên thứ ba nào khác nếu chưa có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty.....
h. Bảo mật các thông tin liên quan đến Tài khoản thanh toán và mã định danh tài khoản, các giao dịch phát sinh trên Tài khoản thanh toán và mã định danh tài khoản.
i. Tuân thủ các quy định pháp luật, hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam liên quan đến việc quản lý và thực hiện các giao dịch tài khoản.
j. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và theo thỏa thuận của Các Bên.

ĐIỀU 7: CÁC ĐIỀU KHOẢN CHUNG

7.1. Hai Bên cam kết xây dựng hệ thống kỹ thuật phụ trợ, trao đổi thông tin và tổ chức thực hiện phục vụ việc cung cấp Dịch vụ. Đảm bảo nguồn lực về nhân sự, tài chính và các nguồn lực khác để thực hiện các nội dung hợp tác được quy định tại Phụ lục Hợp đồng này.

7.2. Hai Bên cam kết tuân thủ các điều khoản của Phụ lục Hợp đồng này cũng như các Phụ lục của Hợp đồng hoặc các thoả thuận bổ sung (nếu có) sẽ được ký kết giữa Các Bên để đảm bảo chất lượng dịch vụ cung cấp cũng như giải quyết có hiệu quả nhất các sự cố phát sinh và các khiếu nại liên quan.

7.3. Hai Bên có trách nhiệm thực hiện đúng các điều khoản trong Phụ lục Hợp đồng này, trường hợp có bất kỳ sự thay đổi nào khác liên quan đến Phụ lục Hợp đồng phải được lập thành văn bản ký bởi Các Bên tham gia Phụ lục Hợp đồng này.

7.4. Các Bên đồng ý rằng mọi thay đổi liên quan đến Dịch vụ do VietinBank đề nghị theo yêu cầu của (i) Cơ quan có thẩm quyền; hoặc (ii) những thay đổi của pháp luật Việt Nam, VietinBank có thể đơn phương thực hiện hoặc chỉ thị thực hiện những thay đổi đó.

7.5. Nếu một trong Hai Bên vi phạm, không thực hiện đúng theo quy định trong Phụ lục Hợp đồng, gây thiệt hại cho Bên kia thì phải có trách nhiệm bồi thường cho Bên kia theo đúng quy định của pháp luật.

7.6. Phụ lục Hợp đồng này được lập và điều chỉnh theo quy định của pháp luật Việt Nam.

ĐIỀU 8: CHẤM DỨT PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG

8.1. Phụ lục Hợp đồng này sẽ chấm dứt trong trường hợp sau:

a. Trong vòng 30 ngày trước ngày hết hạn Phụ lục Hợp đồng này nếu một trong Hai Bên có thông báo bằng văn bản về việc chấm dứt Phụ lục Hợp đồng.
b. Đơn phương chấm dứt Phụ lục Hợp đồng theo quy định tại Điều 8.2 Phụ lục Hợp đồng này.
c. Một trong Hai Bên bị thanh lý, giải thể hoặc đình chỉ hoạt động, trong trường hợp này Phụ lục Hợp đồng sẽ kết thúc bằng cách thức do Các Bên thoả thuận và/hoặc phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành;
d. Theo Phụ lục Hợp đồng bằng văn bản giữa Hai Bên.

8.2. Đơn phương chấm dứt Phụ lục Hợp đồng:

a. Một Bên có quyền đơn phương chấm dứt Phụ lục Hợp đồng nếu Bên kia vi phạm trong việc thực hiện các trách nhiệm quy định trong Phụ lục Hợp đồng và không có bất kỳ sửa chữa, khắc phục nào trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Bên bị vi phạm.
b. Nếu VietinBank có cơ sở để nhận thấy rằng Bên SDDV cung cấp các hàng hóa, dịch vụ vi phạm các quy định của pháp luật Việt Nam thì VietinBank có quyền đơn phương chấm dứt Phụ lục Hợp đồng mà không cần phải thông báo trước cho Bên SDDV.
c. Nếu Bên SDDV không cung cấp hàng hóa, dịch vụ cho Khách hàng của Bên SDDV sau khi Khách hàng của Bên SDDV đã thanh toán tiền mua hàng hóa, sử dụng dịch vụ thì VietinBank có quyền đơn phương chấm dứt Phụ lục Hợp đồng mà không cần phải thông báo trước cho Bên SDDV.

ĐIỀU 9: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

9.1. Tranh chấp giữa Các Bên

Mọi tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan đến Phụ lục Hợp đồng này sẽ được ưu tiên giải quyết bằng thương lượng trên tinh thần thiện chí. Trường hợp thương lượng không thành thì mỗi Bên có quyền đưa tranh chấp đó ra Tòa án có thẩm quyền để giải quyết.

9.2. Các tranh chấp, khiếu nại với Khách hàng của Bên SDDV thanh toán vào mã định danh tài khoản của Bên SDDV

a. VietinBank không chịu trách nhiệm về hàng hóa, dịch vụ của Bên SDDV cung cấp cho Khách hàng. VietinBank chỉ chịu trách nhiệm trong việc ghi "Có" các khoản thanh toán vào Tài khoản thanh toán thông qua mã định danh tài khoản theo thỏa thuận tại Phụ lục Hợp đồng này.
b. VietinBank tiếp nhận và phối hợp với Bên SDDV xử lý các khiếu nại của Khách hàng liên quan đến giao dịch thanh toán của Khách hàng cho Bên SDDV thông qua mã định danh tài khoản.
c. Bên SDDV đầu mối tiếp nhận, giải quyết các khiếu nại và tranh chấp của các Khách hàng của mình liên quan đến hàng hóa, dịch vụ Bên SDDV cung cấp cho Khách hàng.

ĐIỀU 10: THỜI HẠN PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG

- Phụ lục 02 có hiệu lực kể từ ngày ký; và sẽ được tự động gia hạn mỗi lần một năm với cùng điều khoản và điều kiện nếu trong vòng 30 ngày trước thời điểm hết hạn Phụ lục 02 không Bên nào có văn bản đề nghị chấm dứt Phụ lục 02.
- Các nội dung khác không quy định tại Phụ lục này được thực hiện theo hợp đồng hợp tác
- Trong trường hợp một trong hai bên muốn chấm dứt nội dung hợp tác tại Phụ lục hợp đồng này, bên chấm dứt phải có thông báo bằng văn bản cho bên kia trước 90 (chín mươi) ngày.
- Bản Phụ lục hợp đồng này được lập thành 02 (hai) bản, có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 01 (một) bản.

1) ĐẠI DIỆN BÊN SDDV	**2) ĐẠI DIỆN VIETINBANK**
(Ký tên và đóng dấu)	*(Ký tên và đóng dấu)*

MẪU 02.1. MẪU THÔNG BÁO
PHẦN SỐ CỐ ĐỊNH TRONG CẤU TRÚC MÃ ĐỊNH DANH TÀI KHOẢN

Được gửi bằng hình thức trực tiếp hoặc thư bảo đảm, và gửi file mềm qua email [địa chỉ email]
Tới Công ty …..

Ngày: … /…/….

THÔNG BÁO PHẦN SỐ CỐ ĐỊNH TRONG CẤU TRÚC MÃ ĐỊNH DANH TÀI KHOẢN

Kính gửi: Công ty … ("Công ty.....")

Căn cứ Phụ lục dịch vụ Quản lý khoản phải thu thông qua Định danh tài khoản ký ngày …/…/… giữa [Công ty…] và [Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh …] ("Phụ lục"). Các thuật ngữ trong văn bản này có cùng ý nghĩa như được định nghĩa trong Phụ lục và dẫn chiếu đến các điều khoản là các điều khoản trong Phụ lục.

Đây là Thông báo phần số cố định trong cấu trúc mã định danh tài khoản theo tiết (iii) điểm d Khoản 2.3 của Phụ lục, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh … ("VietinBank") xác nhận phần số cố định trong cấu trúc mã định danh tài khoản của Công ty..... là ….

Thông báo này là phần không tách rời của Phụ lục.

ĐẠI DIỆN VIETINBANK
(Ký tên, chức vụ, đóng dấu)

MẪU 02.2: DỊCH VỤ THÔNG BÁO BIẾN ĐỘNG SỐ DƯ TÀI KHOẢN THANH TOÁN

1. Biến động số dư Tài khoản thanh toán qua SMS/OTT[12]

1.1. Kênh nhận Biến động số dư :

☐ SMS
☐ OTT

1.2. **Loại giao dịch nhận thông báo:**

☐ Báo có và nợ số tiền từ 0 VND.
☐ Báo có số tiền từ 0 VND.
☐ Báo có số tiền từ 50.000 VND.

1.3. Số điện thoại đăng ký nhận biến động:

……..

1.4. Phí: Theo biểu phí dịch vụ niêm yết của VietinBank.

1.5. Số Tài khoản thu phí: ……..

2. Biến động số dư Tài khoản thanh toán qua API

2.1. Với mỗi giao dịch ghi Có trên Tài khoản thanh toán của Công ty....., VietinBank thực hiện gửi thông tin giao dịch ghi Có cho Công ty..... thông qua kết nối hệ thống giữa Các Bên.

2.2. Các mẫu điện trao đổi giữa VietinBank và Công ty.....

VietinBank và Công ty..... trao đổi thông điệp điện tử có định dạng và ý nghĩa thông tin theo Tài liệu đặc tả kỹ thuật đã thống nhất giữa Các Bên, trong đó :

- MSG Thông báo biến động số dư : là thông điệp do VietinBank gửi cho Công ty..... thông báo về giao dịch ghi Có phát sinh trên Tài khoản thanh toán của Công ty.....
- MSG Trả lời kết quả biến động số dư : là thông điệp do Công ty..... gửi cho VietinBank để phản hồi kết quả thông báo biến động số dư.

2.3. Thông tin email cán bộ đầu mối

- Các Bên đăng ký danh sách email cán bộ đầu mối như sau :

Đầu mối của Công ty.....	**Đầu mối của VietinBank**
Ông/Bà: **Điện thoại:** **Email:**	**Ông/Bà:** **Điện thoại:** **Email:**

- Trường hợp có thay đổi thông tin về cán bộ đầu mối, Bên thay đổi gửi thông báo bằng văn bản cho Bên còn lại tối thiểu 03 (ba) ngày làm việc trước khi thay đổi có hiệu lực.

[12] **Chi nhánh chủ động lược bỏ nếu Khách hàng đã đăng ký sử dụng dịch vụ SMS Banking/OTT trước đây.**

2.4. Quy trình thực hiện

- Sau khi phát sinh giao dịch ghi Có thành công vào Tài khoản thanh toán của Công ty....., VietinBank gửi *MSG Thông báo biến động số dư* cho Công ty.....
- Công ty..... gửi *MSG Trả lời kết quả biến động số dư* cho VietinBank để phản hồi kết quả thành công/thất bại.
- Trường hợp VietinBank nhận được *MSG Trả lời kết quả biến động số dư* thành công, VietinBank kết thúc giao dịch, ghi nhận giao dịch truyền thông báo đã hoàn thành.
- Trường hợp VietinBank nhận được *MSG Trả lời kết quả biến động số dư* thất bại hoặc sau … phút không nhận được *MSG Trả lời kết quả biến động số dư* của Công ty..... (kể từ thời điểm VietinBank gửi *MSG Thông báo biến động số dư*), VietinBank gửi lại *MSG Thông báo biến động số dư* cho Công ty..... (cơ chế re-try).
- Trường hợp số lần re-try cho một giao dịch từ … (…) lần trở lên, VietinBank gửi email cảnh báo đến danh sách email cán bộ đầu mối của Các Bên để phối hợp xử lý thủ công.

2.5. **Xử lý sai sót**

- Khi phát hiện có lỗi kỹ thuật, truyền tin hoặc do khách quan ảnh hưởng đến hệ thống của mỗi Bên dẫn đến không thể truyền nhận các thông tin, Các Bên phải thông báo cho nhau biết ngay lập tức qua danh sách email/SĐT cán bộ đầu mối để tìm nguyên nhân và tìm biện pháp khắc phục sự cố ngay khi phát sinh lỗi.

2.6. Phí: ……..

2.7. Số Tài khoản thu phí: ……..

MẪU 02.3 MẪU SỬA ĐỔI, BỔ SUNG VÀ XÁC NHẬN SỬA ĐỔI BỔ SUNG DANH SÁCH MÃ ĐỊNH DANH TÀI KHOẢN

Được gửi bằng hình thức trực tiếp hoặc thư bảo đảm, và gửi file mềm qua email [địa chỉ email]
Tới Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh …..

Ngày: … /…/….

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG DANH SÁCH MÃ ĐỊNH DANH TÀI KHOẢN

Kính gửi: Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh … ("VietinBank")

Căn cứ Phụ lục Hợp đồng dịch vụ Quản lý khoản phải thu thông qua Định danh tài khoản ký ngày …/…/… giữa [Công Ty…] và [Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh …] ("Phụ lục Hợp đồng"). Các thuật ngữ trong văn bản này có cùng ý nghĩa như được định nghĩa trong Phụ lục Hợp đồng và dẫn chiếu đến các điều khoản là các điều khoản trong Phụ lục Hợp đồng.

Đây là văn bản sửa đổi, bổ sung Danh sách mã định danh tài khoản theo tiết (iii) điểm d Khoản 2.3 của Phụ lục Hợp đồng, [Công ty…] đăng ký sửa đổi, bổ sung Danh sách mã định danh tài khoản chi tiết như sau:

1. Sửa đổi mã định danh tài khoản

STT	Đề nghị	Mã định danh tài khoản	Mã khách hàng/đại lý/…	Tên khách hàng/đại lý/…	Mã sản phẩm/địa bàn…	Tên sản phẩm/địa bàn…	Tên định danh tài khoản	Các tham số kiểm soát giao dịch (nếu có)
1	Đề nghị cũ							
	Đề nghị thay đổi	*Dừng sử dụng*						
2	Đề nghị cũ							
	Đề nghị thay đổi							

2. Bổ sung mã định danh tài khoản mới

STT	Phần tùy biến của mã định danh tài khoản	Mã khách hàng/đại lý/…	Tên khách hàng/đại lý/…	Mã sản phẩm/địa bàn…	Tên sản phẩm/địa bàn…	Tên định danh tài khoản	Các tham số kiểm soát giao dịch (nếu có)

Danh sách mã định danh tài khoản sửa đổi, bổ sung nêu trên sau khi được xác nhận bởi VietinBank được coi là Phụ lục đính kèm Phụ lục Hợp đồng và là một phần không tách rời của Phụ lục Hợp đồng. Các mã định danh tài khoản đã đăng ký trước đây không sửa đổi vẫn được giữ nguyên.

ĐẠI DIỆN TRƯỜNG …….

(Ký tên, chức vụ, đóng dấu)

XÁC NHẬN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG DANH SÁCH TÀI KHOẢN ĐỊNH DANH

Bằng việc ký xác nhận dưới đây, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh … ("VietinBank") xác nhận đã đăng ký sửa đổi, bổ sung thành công các mã định danh tài khoản theo đề nghị ngày …/…/… của Công ty… , cụ thể như sau:

STT	Mã định danh tài khoản	Phần cố định của mã định danh tài khoản	Phần tùy biến của mã định danh tài khoản	Mã khách hàng/đại lý/…	Tên khách hàng/đại lý/…	Mã sản phẩm/địa bàn…	Tên sản phẩm/địa bàn…	Tên định danh tài khoản	Các tham số kiểm soát giao dịch (nếu có)

VietinBank đồng ý Danh sách mã định danh tài khoản này được coi là Phụ lục đính kèm Phụ lục Hợp đồng dịch vụ Quản lý khoản phải thu thông qua Định danh tài khoản ký ngày …/…/… và là một phần không tách rời của Phụ lục Hợp đồng. Các mã định danh tài khoản đã đăng ký trước đây không sửa đổi vẫn được giữ nguyên.

ĐẠI DIỆN VIETINBANK

(Ký tên, chức vụ, đóng dấu)

MẪU 02.4: BÁO CÁO CHI TIẾT CÁC GIAO DỊCH CHÊNH LỆCH GIỮA HAI HỆ THỐNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO CHI TIẾT CÁC GIAO DỊCH CHÊNH LỆCH GIỮA HAI HỆ THỐNG

Từ ngày dd/mm/yyyy đến ngày dd/mm/yyyy

Căn cứ theo Phụ lục dịch vụ Quản lý khoản phải thu qua Định danh tài khoản số …. ký ngày .../.../….. giữa …
và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh …. (Vietinbank) và các Phụ lục đính kèm

Số Tài khoản thanh toán: ……..

STT	Ngày giao dịch	Mã giao dịch	Mã định danh tài khoản	Tên định danh tài khoản	Số tiền giao dịch (VND)	Chi tiết chênh lệch	Nguyên nhân	Phương án xử lý
Tổng								

...., ngày ... tháng ... năm 20…

ĐẠI DIỆN VIETINBANK
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ĐẠI DIỆN CÔNG TY …
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

MẪU 02.5: MẪU ĐĂNG KÝ VÀ XÁC NHẬN ĐĂNG KÝ
DANH SÁCH MÃ ĐỊNH DANH TÀI KHOẢN

Được gửi bằng hình thức trực tiếp hoặc thư bảo đảm, và gửi file mềm qua email [địa chỉ email]
Tới Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh …..

Ngày: … /…/….

DANH SÁCH MÃ ĐỊNH DANH TÀI KHOẢN

Kính gửi: Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh … ("VietinBank")

Căn cứ Phụ lục dịch vụ Quản lý khoản phải thu thông qua Định danh tài khoản ký ngày …/…/… giữa [Công ty…] và [Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh …] ("Phụ lục"). Các thuật ngữ trong văn bản này có cùng ý nghĩa như được định nghĩa trong Phụ lục và dẫn chiếu đến các điều khoản là các điều khoản trong Phụ lục.

Đây là văn bản Danh sách mã định danh tài khoản theo tiết (ii) điểm d Khoản 2.3 của Phụ lục, [Công ty…] đăng ký Danh sách mã định danh tài khoản chi tiết như sau:

STT	Phần tùy biến của mã định danh tài khoản	Mã khách hàng/đại lý/…	Tên khách hàng/đại lý/…	Mã sản phẩm/địa bàn…	Tên sản phẩm/địa bàn…	Tên định danh tài khoản	Các tham số kiểm soát giao dịch (nếu có)

Danh sách mã định danh tài khoản này sau khi được xác nhận bởi VietinBank được coi là Phụ lục đính kèm Phụ lục và là một phần không tách rời của Phụ lục.

ĐẠI DIỆN CÔNG TY …….
(Ký tên, chức vụ, đóng dấu)